

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 89/TTr-SXD ngày 04 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NCKS, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

QUY ĐỊNH

Quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025.

2. Đối với các dự án không áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã có liên quan trong thực hiện công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: là các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp huyện: là các Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

3. Ban quản lý xã: là các Ban quản lý cấp xã, phường, thị trấn; được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan các chương trình mục tiêu quốc gia và đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.

4. Ban phát triển thôn: là các Ban phát triển thôn, làng, xóm, khu dân cư, tổ dân phố và tương đương; do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư thống nhất và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận. Ban phát triển thôn phải có ít nhất một thành viên là người có uy tín, kinh nghiệm tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình phải được tiến hành thường xuyên, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, tăng tuổi thọ, độ bền vững công trình, đảm bảo an toàn cho người và tài sản công trình.
2. Công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình phải theo đúng quy mô, công năng thiết kế của công trình được duyệt; không được thay đổi công năng công trình khi chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền.
3. Việc quản lý, vận hành và bảo trì phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch và tuân theo các Quy chế về quản lý, vận hành và quy trình bảo trì công trình được duyệt.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tổ chức quản lý

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện và tổ chức thực hiện việc quản lý, vận hành, bảo trì các công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban quản lý xã tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành bảo trì công trình do xã trực tiếp quản lý, các công trình sử dụng chung của xã, các công trình qua địa bàn nhiều thôn. Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì hằng năm và trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.
4. Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý, vận hành công trình xây dựng trên địa bàn thôn, trừ các công trình thuộc khoản 3, Điều này.

Điều 6. Tổ chức xây dựng quy chế quản lý, vận hành

1. Mỗi loại hình công trình có một Quy chế về quản lý, vận hành (gọi tắt là Quy chế).
2. Ban Quản lý xã; Ban phát triển thôn xây dựng Quy chế sau khi nhận bàn giao công trình từ Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Nội dung của Quy chế:
 - Các công việc thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì.
 - Quyền lợi, trách nhiệm của Ban phát triển thôn.
 - Quyền lợi, trách nhiệm của người hưởng lợi.
 - Hình thức đóng góp của cộng đồng và người dân.
 - Quy định về sử dụng và quản lý tài chính.

4. Lấy ý kiến và phê duyệt Quy chế:

a) Các Ban quản lý xã; Ban phát triển thôn tổ chức thông qua cộng đồng dân cư thống nhất trước khi đề nghị Ủy ban nhân dân xã phê duyệt Quy chế.

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quy chế thì sẽ họp cộng đồng dân cư lấy ý kiến và thực hiện sửa đổi.

Điều 7. Nội dung thực hiện quản lý, vận hành

1. Xây dựng nội quy sử dụng, bảo vệ và khai thác công trình.

2. Chuẩn bị kế hoạch, phương án bảo vệ công trình.

3. Cắm biển báo, nội quy tại công trình.

4. Tổ chức bảo vệ công trình thường xuyên và trong các tình huống nguy hiểm như hỏa hoạn, thiên tai.

5. Vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật; đúng nội quy sử dụng và bảo vệ công trình.

6. Kiểm tra định kỳ thường xuyên, trước và sau các tình huống nguy hiểm để có biện pháp phòng chống giảm thiểu rủi ro, thiệt hại. Ngay sau khi kết thúc thiên tai phải tiến hành kiểm tra công trình, xác định các hư hỏng lập biên bản đề ra các giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo công trình được hoạt động bình thường.

Điều 8. Tổ chức xây dựng quy trình bảo trì công trình

1. Trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì công trình

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành lập quy trình bảo trì mẫu các công trình áp dụng cơ chế đặc thù, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành áp dụng trên địa bàn tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư các dự án áp dụng cơ chế đặc thù: Căn cứ quy trình bảo trì mẫu đã duyệt tại điểm a, khoản 1, Điều này quyết định việc tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì riêng của từng công trình trước khi đưa công trình vào sử dụng, sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý chuyên môn về xây dựng cấp huyện.

2. Nội dung quy trình bảo trì mẫu, quy trình bảo trì riêng được quy định tại khoản 10, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 1 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 9. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng

1. Trách nhiệm lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình:

a) Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn căn cứ quy trình bảo trì công trình mẫu hoặc quy trình bảo trì riêng (nếu có) đã được phê duyệt và hiện trạng công trình, lập danh mục, kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hàng năm.

b) Ủy ban nhân dân xã xét duyệt danh mục, phê duyệt kế hoạch bảo trì căn cứ trên nguồn lực được phân bổ và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện.

Điều 10. Định mức chi phí bảo trì các công trình xây dựng

1. Nguồn kinh phí bảo trì:

a) Kinh phí cho bảo trì công trình: Từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm phân bổ kinh phí để thực hiện các Chương trình MTQG (vốn Trung ương bổ sung, vốn đối ứng ngân sách tỉnh); nguồn thu từ việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng; nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân; các nguồn vốn hợp pháp khác thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

b) Việc thu, chi cho công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình được quy định trong Quy chế và được theo dõi trong sổ sách.

2. Chi phí bảo trì:

Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định bằng dự toán. Bao gồm: chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm, chi phí sửa chữa công trình, chi phí tư vấn phục vụ bảo trì công trình, chi phí quản lý bảo trì thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và chi phí khác (nếu có).

- Dự toán chi phí bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.

- Định mức, dự toán công tác sửa chữa và bảo dưỡng công trình áp dụng theo Phụ lục VI, Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng. Đối với công tác xây dựng đặc thù của chuyên ngành thì đối chiếu, áp dụng các định mức phù hợp do các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo khoản 6, Điều 20, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ.

- Việc quản lý chi phí bảo trì định kỳ hàng năm thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, tương ứng với nguồn vốn sử dụng thực hiện bảo trì.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan cấp tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát công tác lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và sử dụng nguồn vốn được giao quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của các Văn phòng điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh hoặc tương đương, Sở Tài chính thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn vốn Trung ương bổ sung, vốn đối ứng ngân sách tỉnh trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; trong đó có kinh phí quản lý, vận hành và bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022-2025.

b) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng nguồn kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì công trình trên địa bàn.

c) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thanh toán, quyết toán vốn quản lý, vận hành, bảo trì công trình, sử dụng nguồn vốn Chương trình theo quy định.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

a) Phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo quy định.

b) Tổ chức lập quy trình bảo trì mẫu các công trình áp dụng cơ chế đặc thù, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn xử lý vi phạm việc tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình.

4. Các Văn phòng điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2022-2025 của tỉnh và tương đương:

a) Tổ chức quản lý, hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác vận hành, bảo trì công trình.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan trung ương kết quả thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, vận hành và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện quy định này.

2. Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và nguồn vốn sử dụng; thực hiện quản lý nhà nước về thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí cho công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình trong phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, có ý kiến đối với việc lập, phê duyệt quy trình bảo trì riêng, các nội dung khác có liên quan của Ủy ban nhân dân xã.

4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý, vận hành, bảo trì công trình cho cán bộ cấp xã, cấp thôn và những người trực tiếp tham gia quản lý, vận hành, bảo trì công trình.

5. Kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân xã, đơn vị quản lý sử dụng công trình thực hiện Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bàn giao công trình

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bằng văn bản bàn giao công trình cho Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này.

b) Tổ chức lập, lưu trữ và bàn giao hồ sơ quy định tại Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ cho đơn vị quản lý, sử dụng công trình.

2. Tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì riêng; phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình xây dựng; tổ chức thực hiện việc bảo trì công trình. Hỗ trợ xây dựng quy chế quản lý, vận hành công trình (nếu có) và kế hoạch bảo trì công trình đối với các công trình giao cho thôn quản lý.

3. Kiểm tra, giám sát Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn hoặc đơn vị quản lý sử dụng thực hiện Quyết định này.

4. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình thực hiện công tác bảo trì trên địa bàn xã.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn

1. Nhận bàn giao công trình và hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quyết định này.

2. Ban quản lý xã tổ chức lập kế hoạch bảo trì công trình trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt. Ban phát triển thôn đề xuất nội dung bảo trì đối với công trình được giao quản lý, sử dụng.

3. Tổ chức thực hiện việc bảo trì, huy động cộng đồng dân cư tham gia đóng góp kinh phí phục vụ công tác bảo trì công trình theo quy định.

4. Lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình; hàng năm công bố công khai, minh bạch cho các hộ hoặc người hưởng lợi biết về các khoản đã đóng góp và sử dụng cho công tác bảo trì công trình.

5. Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân xã tình hình quản lý, vận hành, bảo trì công trình./.